TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 62/2020/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 05 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1985; ĐKHKTT và trú tại: xóm 14B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995; ĐKHKTT: xóm 14B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: xóm 9, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn H với chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con cái: Anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận để chị T nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Phạm Hải Đ, sinh ngày 02/3/2015, anh H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T 1.000.000đ/ tháng tính từ tháng 6/2020 đến khi con chung thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

- Về án phí: Anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận để anh H nộp toàn bộ án phí ly hôn 150.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ, tổng án phí phải nộp là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2334 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H không nộp số tiền phải nộp nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cụcTHADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh